

Q.0.11-7 + Q.9(1-2H)-18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

MAI THỂ HỖN

**PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
Ở VÙNG VEN THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị XHCN

Mã số : 5.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2000

Công trình được hoàn thành
tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Hoàng Ngọc Hòa
TS Vũ Văn Phúc

Phản biện 1: PGS.TSKH Nguyễn Văn Đăng
Ban Kinh tế Trung ương

Phản biện 2: PGS.TS Phạm Kim Sơn
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Văn Bích
Văn phòng Chủ tịch Nước

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội trường số 7A.

Vào hồi 14 giờ 00, ngày 22 tháng 10 năm 2000

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) nông nghiệp và kinh tế nông thôn có tầm quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Bởi vì, nông nghiệp, nông dân và nông thôn là vấn đề có ý nghĩa cốt tử của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước đi lên từ một nền nông nghiệp kém phát triển. Để đưa nông nghiệp thoát khỏi tình trạng thuần nông, tự cấp, tự túc, phát triển thành nền nông nghiệp sản xuất (SX) hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH, đồng thời đặt nó vào vị trí trọng yếu trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay.

Một trong những nội dung trọng tâm của CNH nông nghiệp, nông thôn là khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống (LNTT), vì nó tạo ra nhiều việc làm, thu hút lao động dôi dư trong nông nghiệp vào các hoạt động dịch vụ và SX phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của nông dân. Nhờ đó tránh được luồng di dân ô ạt từ nông thôn vào thành phố, góp phần thực hiện chiến lược kinh tế mở, đẩy mạnh SX hàng xuất khẩu. Đây là nhiệm vụ không chỉ có ý nghĩa kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị - xã hội to lớn trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vùng ven Thủ đô Hà Nội bao gồm các huyện ngoại thành và các tỉnh Hà Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên có mật độ dân số lao động trong nông thôn vào loại cao nhất của cả nước và cũng là loại cao của thế giới. Trong khi đó ruộng đất bình quân đầu người và năng suất lao động lại thấp, sản lượng không ổn định. Do đó vấn đề việc làm và đời sống đặt ra gay gắt. Hơn nữa khi SX nông nghiệp phát triển dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến làm cho năng suất ruộng đất và năng suất vật nuôi cây trồng đều tăng cao thì điều đó vừa tạo điều kiện vừa đòi hỏi tất yếu phải phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và dịch vụ ở nông thôn, trong đó phát triển LNTT là một hướng cơ bản

khả thi đối với vùng ven Thủ đô Hà Nội. Đây là yêu cầu cấp thiết cần được nghiên cứu, luận giải để vạch ra những căn cứ lý luận và thực tiễn xác đáng, những giải pháp phát triển đúng đắn. Chính vì vậy, mà vấn đề phát triển LNTT trong quá trình CNH, HĐH ở vùng ven Thủ đô Hà Nội được tác giả chọn làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Phát triển LNTT đã được các nhà khoa học kinh tế nghiên cứu trên nhiều phương diện và đã đạt được những kết quả nhất định. Đó là những công trình của GS, TS Nguyễn Đình Phan; PGS, TS Hoàng Kim Giao; PGS, TS Nguyễn Kế Tuấn; TS Phạm Viết Muôn; TS Dương Bá Phương; TS Trần Văn Luận; TS Nguyễn Ty... Đồng thời, còn có các kết quả của hội thảo quốc tế về bảo tồn và phát triển LNTT Việt Nam - 8/1996, kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ: về các giải pháp phát triển TTCN theo hướng CNH, HĐH ở vùng đồng bằng sông Hồng do Viện Thông tin khoa học Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì; đặc biệt còn có một số luận án TS đề cập tới các vấn đề gắn với đề tài này như: "*Phát triển tiểu thủ công nghiệp trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở đô thị Việt Nam hiện nay*" của Nguyễn Hữu Lực; "*Một số vấn đề cơ bản về sự phát triển TTCN ở nông thôn Hà Bắc*" của Nguyễn Ty... Song các công trình này chủ yếu mới đề cập đến các vấn đề TTCN là chính, định hướng cơ bản ở tầm vĩ mô và một số chủ trương lớn để bảo tồn, phát triển LNTT nói chung mà chưa đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống, để đưa ra những giải pháp khả thi cho việc đẩy mạnh phát triển LNTT. Luận án này sẽ tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống vấn đề phát triển LNTT trong quá trình CNH, HĐH ở vùng ven Thủ đô Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ vị trí, vai trò, tiềm năng và thực trạng LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội hiện nay. Từ đó đề xuất những phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các LNTT trong quá trình CNH, HĐH ở vùng ven Thủ đô Hà Nội.

Với mục đích đó, luận án có các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu làm rõ phạm trù làng nghề truyền thống, đặc điểm hình thành và vị trí, vai trò của LNTT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng ven Thủ đô Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử.

- Phân tích đánh giá tiềm năng, thực trạng của việc phát triển LNTT ở vùng ven Thủ đô Hà Nội trong những năm đổi mới và những tồn tại cần khắc phục.

- Luận giải, đề xuất những phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy phát triển LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

- Đề tài này được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học kinh tế và phép biện chứng duy vật, nhất là học thuyết về ba giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp, sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Nga, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình CNH v.v...

- Ngoài ra đề tài còn vận dụng lý luận và phương pháp luận của khoa học kinh tế mác xít có liên quan như: Điều tra, khảo sát, thống kê, phân tích tổng hợp, lịch sử cụ thể... để phân tích luận giải các nội dung đề ra trong luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Góp phần làm rõ phạm trù LNTT, những căn cứ lý luận và thực tiễn xác đáng về vị trí, vai trò của LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội trong quá trình CNH, HĐH.

- Phân tích làm rõ những tiềm năng và yêu cầu của việc phát triển LNTT ven Thủ đô Hà Nội trong quá trình CNH, HĐH.

- Vạch rõ những phương hướng và giải pháp cơ bản, xác thực nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ LNTT ở vùng ven Thủ đô Hà Nội.

6. Giới hạn của luận án

- Về thời gian: Luận án tập trung phân tích kỹ thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay, nhất là phát triển LNTT trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

- Về địa bàn: Chủ yếu nghiên cứu, khảo sát vùng ngoại thành Hà Nội và các tỉnh ven Thủ đô như: Hà Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, còn Vĩnh Phúc tác giả không nghiên cứu vì số lượng làng nghề quá ít.

- Luận án chỉ nghiên cứu LNTT trên giác độ TTCN còn làng văn hóa, làng du lịch, làng thương mại... ít đề cập đến trong luận án.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án kết cấu gồm 3 chương, 8 tiết.

Chương 1

PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG LÀ VẤN ĐỀ CÓ TẦM CHIẾN LƯỢC CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

1.1. Làng nghề truyền thống ở nông thôn và quá trình phát triển của nó

1.1.1. Khái niệm về làng nghề truyền thống và ngành nghề truyền thống

Các quan niệm về làng nghề, LNTT trình bày trong luận án được tổng hợp, phân tích trên cơ sở khái quát và kế thừa có chọn lọc những nguồn tài liệu khác nhau. Từ đó tác giả đưa ra định nghĩa về LNTT như sau: "LNTT là những thôn làng có một hay nhiều nghề thủ công truyền thống được tách ra khỏi nông nghiệp để SX kinh doanh và đem lại nguồn thu nhập chiếm phần chủ yếu trong năm. Những nghề thủ công đó được truyền từ đời này qua đời khác thường là nhiều thế hệ. Cùng với thử thách của thời gian, những nghề thủ công này đã trở thành những nghề nổi trội, có tính cổ truyền, tinh xảo, với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp đã chuyên tâm sản xuất, có quy trình công nghệ nhất định và sống chủ yếu bằng nghề đó. Sản phẩm làm ra có tính mỹ nghệ và đã trở thành hàng hóa trên thị trường".

Như vậy, phạm trù về LNTT nhất thiết phải có những tiêu thức sau:

- Số hộ và số lao động làm nghề truyền thống ở làng nghề đạt từ 50% trở lên so với tổng số hộ và lao động của làng.

- Giá trị SX và thu nhập từ ngành nghề truyền thống ở làng đạt trên 50% tổng giá trị SX và thu nhập của làng trong năm.

- Sản phẩm làm ra có tính mỹ nghệ mang đậm nét yếu tố văn hóa và bản sắc dân tộc Việt Nam.

- Sản xuất có qui trình công nghệ nhất định, được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Đối với những ngành nghề được xếp vào ngành nghề thủ công truyền thống cần có các yếu tố như:

- Đã hình thành, tồn tại và phát triển lâu đời ở nước ta.

- Có nhiều thế hệ nghệ nhân tài hoa và đội ngũ thợ lành nghề đông đảo.

- Kỹ thuật và công nghệ khá ổn định.

- Sử dụng nguyên liệu tại chỗ, SX tập trung, tạo thành các làng nghề, phố nghề.

Cho nên, ngành nghề truyền thống được hiểu là *những ngành nghề TTCN đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử phát triển kinh tế của nước ta, còn tồn tại đến ngày nay, bao gồm cả ngành nghề mà phương pháp SX được cải tiến hoặc sử dụng những máy móc hiện đại để hỗ trợ cho SX, nhưng vẫn tuân thủ công nghệ truyền thống.*

1.1.2. Lịch sử hình thành các làng nghề truyền thống

Dân tộc Việt Nam có nghề thủ công truyền thống rất lâu đời và nổi tiếng, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa văn minh Việt Nam. Nhưng nhìn một cách tổng quát ta có thể nhận định rằng trước Cách mạng tháng Tám TTCN và LNTT phát triển trong điều kiện chịu sự tác động có tính chất kìm hãm của phương thức sản xuất phong kiến và nền kinh tế thuộc địa. Trong hoàn cảnh đó, ngành nghề truyền thống, LNTT vẫn gắng vươn lên và đóng vai trò rất quan trọng để cung cấp những nhu cầu thiết yếu cho nông thôn. Từ sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước đã đánh giá đúng vai trò, vị trí của LNTT trong tiến trình phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, sự phát triển đó có lúc thịnh, lúc suy, nhưng đến nay đa số các mặt hàng của LNTT đã

có mặt ở hầu hết các thị trường trong nước và quốc tế. thực sự góp phần đáng kể vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

1.1.3. Đặc điểm của làng nghề truyền thống

LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội có lịch sử lâu đời, phát triển đa dạng và phong phú, được thể hiện ở một số đặc điểm cơ bản sau đây:

- LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội có sự phát triển đa dạng về quy mô, về cơ cấu ngành nghề và gắn chặt với sản xuất nông nghiệp.

- Sản phẩm của LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội phát triển đa dạng có tính tập trung cao.

- Lao động làm nghề truyền thống có sự phát triển tập trung và thuận lợi hơn các vùng trong cả nước.

- Hình thức tổ chức SX kinh doanh của vùng ven Thủ đô Hà Nội, hộ gia đình vẫn là chủ yếu, nhưng đã bắt đầu xuất hiện doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) và công ty cổ phần.

- LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội là một sự kết tinh giá trị văn hóa văn minh lâu đời của dân tộc. Sản phẩm làm ra thường mang tính nghệ thuật cao và là những tài sản vô giá.

1.1.4. Sự phát triển tất yếu của làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Một là, phát triển LNTT ở nông thôn gắn với sự hợp tác và phân công lao động xã hội.

Ngay từ buổi ban đầu của lịch sử, do công cụ SX còn hết sức lạc hậu, năng suất lao động thấp, nên SX của xã hội chỉ có một ngành duy nhất đó là nông nghiệp. Khi lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động xã hội không ngừng nâng cao, số người rút ra khỏi nông nghiệp và chuyển sang làm nghề thủ công ngày một nhiều. Vì thế đã xuất hiện phân công lao động theo kiểu công trường thủ công. Quá trình phát triển ấy đã dần hình thành nên các LNTT. Về thực chất các làng nghề là các làng SX thủ công nghiệp kết hợp với SX nông nghiệp và trên cơ sở nông nghiệp. Sự phát triển đó gắn liền với sự hợp tác và phân công lao động xã hội.

Hai là, LNTT trong quá trình hình thành và phát triển nền đại công nghiệp cơ khí.

Với sự phát triển của máy móc, kỹ thuật thay đổi căn bản - kỹ thuật thủ công chuyển thành kỹ thuật cơ khí, làm cho phân công lao động xã hội tiếp tục phát triển và tạo điều kiện cho nhiều ngành nghề mới ra đời. Nhưng mặc dù SX bằng máy móc ra đời, dần dần thay thế lao động thủ công, nhưng không vì thế mà nghề thủ công mất đi, mà trái lại đã thúc đẩy một số nghề thủ công phát triển. Từ những ngành nghề, nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã làm thay đổi công nghệ hoặc hình thành những công nghệ sản xuất mới và LNTT sẽ trở thành vệ tinh hoặc làm gia công cho công nghiệp ở đô thị.

Ba là, LNTT trong tiến trình phát triển của khoa học - công nghệ hiện đại.

LNTT ngoài việc bảo tồn giá trị văn hóa của dân tộc, nó còn đáp ứng yêu cầu chuyên môn hóa hợp tác quốc tế để SX những khối lượng sản phẩm có khối lượng ít nhưng tinh xảo mà đại công nghiệp làm kém hiệu quả hơn. Do vậy, trong điều kiện hiện nay việc kết hợp chặt chẽ giữa nghề thủ công truyền thống với công nghệ sản xuất hiện đại nhằm phát triển nhanh chóng công nghiệp ở nông thôn có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

1.2. Vai trò của việc phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và những vấn đề đặt ra đối với việc khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống

CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một bộ phận hợp thành của quá trình CNH, HĐH đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra nội dung cơ bản của CNH, HĐH trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là: Đặc biệt coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn bao gồm các nội dung cụ thể như: Phát triển toàn diện nông lâm ngư nghiệp, thực hiện thủy lợi hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa, phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; phát triển các ngành nghề, LNTT và các ngành nghề mới... các loại hình dịch vụ... xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội...

Một trong những chiến lược quan trọng của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là khôi phục phát triển LNTT, mà trước hết hướng vào các ngành chế biến nông, lâm, hải sản, các ngành cơ khí sửa chữa, dịch vụ phục vụ SX và đời sống; đồng thời phát triển mạnh mẽ các ngành thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng xuất khẩu... Đó là những vấn đề đặt ra đối với LNTT trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

1.2.2. Vai trò của làng nghề truyền thống ở vùng ven Thủ đô Hà Nội trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Vai trò của LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội có vị trí hết sức quan trọng trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn bởi vì:

- Nó tạo ra một khối lượng hàng hóa đa dạng, phong phú phục vụ cho tiêu dùng và cho xuất khẩu, đóng góp đáng kể cho nền kinh tế nói chung, cho từng địa phương nói riêng.

- Phát triển LNTT là biện pháp hữu hiệu để giải quyết việc làm, thực hiện phân công lao động và thu hút một lực lượng lao động đang dư thừa lớn ở nông thôn vào hoạt động ngành nghề phi nông nghiệp.

- Quá trình phát triển của LNTT không những góp phần thúc đẩy gia tăng thu nhập, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn mà còn góp phần tích cực vào việc cải thiện đời sống và tăng tích lũy, thu hẹp khoảng cách mức sống giữa nông thôn với thành thị.

- Phát triển LNTT góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi vì nhiều sản phẩm TTCN trong các LNTT là những bảo vật vô giá. Ngoài giá trị kinh tế nó còn có giá trị văn hóa, văn minh của cả dân tộc Việt Nam.

1.2.3. Xu hướng phát triển làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Trong quá trình CNH, HĐH các LNTT luôn bị các công nghệ mới cạnh tranh đe dọa như các làng nghề đúc đồng (nồi, mâm, thau đồng) đã mất đi khi có đồ nhôm thay thế, làng nghề SX máy, tre đan bị đồ nhựa thay thế...

- Sở dĩ các LNTT được phục hồi và phát triển còn được thể hiện rất rõ là xu hướng đổi mới ngành nghề theo nhu cầu của thị trường như nghề gia công đá, chuyển sang khai thác đá xây dựng, nghề làm mũ chuyển sang nghề sản xuất phao biển... Đồng thời nhiều làng nghề mới xuất hiện trên cơ sở lan toả của LNTT.

- Ở nhiều LNTT trong vùng đá có xu hướng đưa cơ khí thay thế một phần lao động thủ công như nghề mộc đưa các máy cưa, máy bào, máy mộc vạn năng, nghề dệt chuyển từ dệt thủ công sang dệt bằng máy...

Như vậy, LNTT trong vùng đang tích cực vận động theo xu hướng ngày càng mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, trên cơ sở đó để duy trì và mở rộng ngành nghề. Tất nhiên trong quá trình CNH, HĐH các LNTT qua sàng lọc của kinh tế thị trường sẽ có một số nghề suy thoái và một số nghề được lan toả tạo thành xã nghề, phố nghề.

1.3. Phát triển làng nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp ở một số nước và kinh nghiệm cần quan tâm

Trong tiết này luận án trình bày tình hình phát triển TTCN ở một số nước NiCs châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan) và các nước đang phát triển như: Trung Quốc, Indônêxia, Philippin, Thái Lan, Ấn Độ và Pakixtan trên những nét chính. Nhưng nhìn chung cho ta thấy được bức tranh tổng quát về cơ cấu ngành nghề của các nước trên rất đa dạng và phong phú. Cơ cấu ngành nghề TTCN lúc đầu thường là tự phát và phát triển theo nhu cầu thực tế của thị trường song để nâng cao năng suất lao động và giảm cường độ lao động, nhiều ngành nghề cổ truyền đã trang bị một phần máy móc, thiết bị cơ khí và nửa cơ khí vào sản xuất. Từ đó làm cho các nghề thủ công cổ truyền có điều kiện phát triển tốt như nghề chế tác kim cương ở Ấn Độ, chế tác đá quý và các hàng mỹ nghệ ở Thái Lan. Đồng thời nhà nước có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc đề ra chiến lược và quyết sách đúng đắn để cho ngành nghề truyền thống phát triển.

Từ thực tiễn phát triển ngành nghề LNTT của các nước đã nêu trong luận án, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Để phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống, nhất thiết phải chú trọng và coi làng nghề là một bộ phận của quá trình CNH nông thôn, đồng thời gắn nó với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Chú trọng đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực ở nông thôn. Trước tiên tập trung vào việc đầu tư cho giáo dục và đào tạo tay nghề cho người lao động để họ tiếp thu được kỹ thuật tiên tiến.

- Cần nâng cao vai trò của nhà nước trong việc giúp đỡ, hỗ trợ về tài chính cho LNTT phát triển sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh cải cách thể chế để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho LNTT phát triển.

Khuyến khích sự kết hợp giữa đại công nghiệp với TTCN và trung tâm công nghiệp với LNTT. Để tạo dựng cho mối quan hệ này, các trung tâm công nghiệp có trách nhiệm giúp đỡ LNTT nâng cao năng lực quản lý, qui trình công nghệ, marketing; còn LNTT có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, đồng thời làm nhiệm vụ gia công cho trung tâm công nghiệp lớn.

Chương 2

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÙNG VEN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

2.1. Tiềm năng về làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, vùng ven Thủ đô Hà Nội tác động tới sự phát triển của làng nghề truyền thống

Vùng ven Thủ đô Hà Nội có nhiều nét đặc thù về tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển LNTT đó là:

- Địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ là cái nôi của nền văn minh lúa nước và ngành nghề truyền thống với một đội ngũ thợ đông đảo, tài hoa.

- Dân cư trong vùng, trình độ học vấn và dân trí cao, lại có truyền thống cần cù thông minh sáng tạo, đồng thời là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu lớn của cả nước.

- Cơ sở hạ tầng phát triển vào loại bậc nhất so với cả nước.

- Vùng ven Thủ đô Hà Nội là nơi có truyền thống văn hóa lâu đời, nó đã tác động trực tiếp đến sự phát triển của LNTT. Sản phẩm làm ra đã mang đậm nét tính xã hội và nhân văn của dân tộc.

2.1.2. Những điều kiện và tiềm năng để thúc đẩy sự phát triển của làng nghề truyền thống

Để duy trì và khôi phục LNTT trong vùng phát triển theo hướng CNH, HĐH cần phải có các điều kiện sau:

- Phải có những người tâm huyết với nghề, với một đội ngũ lao động tài hoa, có uy tín đức độ trong nghề nghiệp làm hạt nhân để duy trì và phát triển nghề.

- Các LNTT phải thường xuyên gắn hoạt động sản xuất với hoạt động dịch vụ kinh tế - kỹ thuật đặc biệt là dịch vụ thương mại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm với một dung lượng ngày càng lớn.

- Cung cấp nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý và có kế hoạch sử dụng nguồn nguyên liệu phụ thay thế.

Những tiềm năng để thúc đẩy LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội phát triển đó là:

- Ngành nghề truyền thống, LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội có lịch sử lâu đời. Những nghề thủ công truyền thống quan trọng và nổi tiếng bậc nhất cả nước đều được ra đời, phát triển rực rỡ trên các miền quê vùng ven Thủ đô. Hà Nội 36 phố phường từ xa xưa phần lớn là những LNTT ven Thủ đô vào làm ăn sinh sống. Từ đây không ít những nghề đã lan truyền khắp mọi nơi. Chính người thợ lành nghề trong vùng đi làm ăn ở các nơi đã đem kỹ thuật đến truyền dạy cho dân làng các địa phương, tạo ra không ít làng nghề ở vùng quê ấy, hoặc nâng cao tay nghề vốn có của các địa phương, nhất là ở phía nam.

- Nguồn lao động dồi dào, có tay nghề cao, có khả năng thích nghi với điều kiện mới và sự biến động của thị trường. Số lao động có thâm niên nghề nghiệp rất lớn và giàu kinh nghiệm đang làm hạt nhân cho huấn luyện nghề và đào tạo nghề.

- Thị trường trong LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội bây giờ không chỉ có thị trường hàng hóa, thị trường nguyên liệu, mà dần dần đã có thị trường tiền tệ, thị trường công nghệ, thị trường thông tin đã hình thành... Trong đó nổi trội hơn cả là thị trường dịch vụ du lịch, thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa.

2.2. Thực trạng phát triển làng nghề truyền thống ở vùng ven Thủ đô Hà Nội

2.2.1. Cơ cấu ngành nghề sản xuất của làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

Cơ cấu ngành nghề vùng ven Thủ đô Hà Nội rất đa dạng phong phú có hàng trăm nghề; bao gồm các nhóm ngành nghề như: nghề chế biến nông sản, nghề dệt, nghề thủ công mỹ nghệ, nghề gốm sứ, nghề làm giấy, nghề xây dựng, nghề cơ khí... Trong đó phát triển mạnh nhất là nghề thủ công mỹ nghệ chiếm gần 1/3 nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước. Sau đó phải kể đến ngành dệt, điển hình là tỉnh Hà Tây, bởi vì đây là nơi có nhiều làng dệt vải lụa truyền thống như: Vạn Phúc, La Khê, Hòa Xá và gần đây có La Phù. Tốc độ phát triển của ngành nghề trong vùng hàng năm tăng nhanh, đặc biệt từ năm 1994 - 1997 bình quân hàng năm tăng 10 - 11%.

2.2.2. Sự biến động về lao động trong các làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

Trước những năm đổi mới lao động trong LNTT chủ yếu làm việc ở các HTX tiểu thủ công nghiệp hoặc tổ sản xuất. Nhưng vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 bắt đầu xuất hiện tệ làm ẩu, làm hàng kém chất lượng đã làm cho nhiều làng nghề bị suy thoái, một số người phải bỏ nghề đi làm việc khác. Đặc biệt là khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế số lao động làm trong LNTT ngày càng suy giảm ở khu vực kinh tế tập thể, còn lĩnh vực tư nhân cá thể vẫn tiếp tục tăng. Việc sử dụng lao động ngày càng triệt để không những trong vùng mà còn thu hút thêm lao động ở các nơi khác đến làm thuê.

2.2.3. Về tổ chức sản xuất kinh doanh của làng nghề truyền thống

Trong cơ chế quản lý cũ mô hình sản xuất kinh doanh trong LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội là sản xuất tập thể (tổ hợp tác, HTX) đơn điệu gò bó, hạn

chế rất nhiều đến khả năng sáng tạo cũng như tính chủ động của người thợ. Bước vào cơ chế thị trường, loại hình sản xuất kinh doanh trong các làng nghề đã có sự đa dạng phong phú, song sản xuất kinh doanh hộ gia đình vẫn là chủ yếu. Đồng thời đã và đang xuất hiện các hình thức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Sự xuất hiện này đã đóng góp vai trò là bả đỡ rất quan trọng cho các hộ sản xuất cá thể trong việc gia công làm vệ tinh cho các công ty và doanh nghiệp.

2.2.4. Sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm trong làng nghề truyền thống

Sản phẩm của LNTT trong vùng ngày càng được đổi mới cho phù hợp với nhu cầu của thị trường. Các sản phẩm như chạm khắc gỗ, chạm khắc đá, đồ mộc mỹ nghệ cao cấp... đang được ưa chuộng, dần dần đã chiếm lĩnh được thị trường trong nước và nước ngoài. Song một số sản phẩm như cơ kim khí, may mặc, gốm sứ dân dụng... đang đứng trước sự cạnh tranh trong điều kiện thường là bất lợi so với công nghiệp đô thị. Vì thế, sản phẩm làm ra còn tồn đọng nhiều như sắt Đa Hội, mộc mỹ nghệ Hương Mạc, gốm Phù Lãng (Bắc Ninh), rèn Đa Sỹ, dệt màn Hòa Xá, mộc Vạn Điểm (Hà Tây), dệt Vân Phương (Hưng Yên)... Việc cung ứng các yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm hiện nay của làng nghề chủ yếu vẫn là những hộ có vốn, có thị trường ổn định, họ đứng ra mua toàn bộ sản phẩm mang đi tiêu thụ trong vùng hoặc đem đi nơi khác bán. Số cơ sở, các hình thức quảng cáo để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm còn ít và hình thức quảng cáo còn nghèo nàn.

2.2.5. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất

Công cụ SX thô sơ, phổ biến là kỹ thuật thủ công. Trình độ công nghệ cũ kỹ, phần lớn là sử dụng máy móc truyền thống hoặc do các doanh nghiệp nhà nước thải loại. Từ đó dẫn đến tình trạng mức độ chính xác không cao, tiêu hao điện và nguyên vật liệu rất nhiều. Cơ sở vật chất kỹ thuật trang bị cho SX thấp, chỉ có 18% cơ sở có nhà xưởng kiên cố, 85% có sử dụng điện, 37% công việc được cơ giới hóa, còn lại 63% công việc làm bằng tay.

2.2.6. Đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh của làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

Thực trạng SX kinh doanh của LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội trong những năm qua cho thấy: Mặc dù có những khó khăn tác động đến tốc độ phát triển của làng nghề trong một số năm, nhưng sản phẩm của LNTT vẫn được duy trì và giữ vững. Đặc biệt là những năm đổi mới vừa qua, SX kinh doanh đã có nhiều khởi sắc. Tính chất hàng hóa ngày càng được mở rộng không những đối với phạm vi trong làng, mà còn được lan toả ra phạm vi ngoài làng nghề. Nhờ đó thu nhập của người lao động trong các LNTT không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên trong cơ chế mới vẫn còn nhiều LNTT không thích nghi kịp, có nhiều làng nghề nổi tiếng một thời đến nay vẫn chưa được khôi phục.

Sự phát triển của LNTT trong vùng đã thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và bố trí lực lượng lao động theo hướng "ly nông, bất ly hương". Một số khâu SX trong làng nghề được cơ giới hóa, tạo điều kiện thúc đẩy công nghiệp hóa nông thôn, góp phần quan trọng vào việc phục vụ nông nghiệp, cung cấp hàng tiêu dùng và tham gia xuất khẩu, cải thiện một bước đáng kể đời sống người lao động.

2.3. Những vấn đề bức bách đặt ra cần giải quyết để phát triển làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Về chủ trương chính sách và luật pháp

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới cơ chế kinh tế, các LNTT có điều kiện thuận lợi nhất định để phát triển SX kinh doanh. Đặc biệt là các hộ gia đình, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh được phép phát triển chính thức không phải làm "kinh tế ngầm" như trước đây. Tuy nhiên, các hộ gia đình, các doanh nghiệp còn lúng túng nhiều trong kinh doanh do chính sách của Nhà nước thay đổi quá nhiều. Mặt khác, sự tác động và quản lý của Nhà nước còn thiếu tính hệ thống, chưa đồng bộ. Trong suốt những năm qua hầu như không có cơ quan nào trực tiếp quản lý và quan tâm chăm lo đến sự phát triển của LNTT. Từ khâu SX đến

tiêu thụ sản phẩm đều do cá nhân và các hộ trong làng nghề tự lo liệu. Do đó dẫn đến tình trạng LNTT nào tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm thì làng nghề đó tồn tại và phát triển; còn làng nghề nào không tiếp cận được thị trường thì làng nghề đó rơi vào tình trạng khó khăn, thậm chí đến nay không phục hồi nổi.

2.3.2. Vấn đề đầu tư cho sản xuất

Khó khăn về vốn là vấn đề nan giải nhất, vì thiếu vốn nên không thể đầu tư mua sắm trang thiết bị, công nghệ mới. Do đó việc cải tiến công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SX rất hạn chế. Điều đó không chỉ giảm năng suất lao động mà còn gây ô nhiễm môi trường, có hại cho sức khỏe của dân cư ở nông thôn.

2.3.3. Vấn đề môi trường

Do hạn chế về vốn và công nghệ, ở các LNTT hiện nay chưa đặt vấn đề xây dựng các dự án xử lý chất thải, khói bụi độc hại cho người SX. Vì thế khu vực sản xuất thiếu sự quy hoạch tổng thể. Ở một số làng nghề đã có sự báo động xuống cấp và nạn ô nhiễm môi trường hết sức nặng nề. Hầu hết các cơ sở SX trong làng nghề chỉ lo kinh doanh, không chăm lo đến bảo vệ môi trường sinh thái. Nhiều nơi quy mô SX đã vượt quá sự chịu đựng của môi trường. Các LNTT qua kiểm tra về thực hiện bảo vệ môi trường đều vi phạm nghiêm trọng.

2.3.4. Vấn đề thị trường và tiêu thụ sản phẩm

Mặc dù được hình thành rất sớm ở nông thôn nhưng thị trường của LNTT phát triển chậm, mang tính chất sơ khai, phân tán, nhỏ lẻ và sức mua hạn chế. Cho nên sản phẩm SX ra bị ứ đọng không tiêu thụ được, nhất là hàng gốm, sứ, mây tre đan, đồ mộc dân dụng. Nhiều cơ sở SX chỉ tiêu thụ được trong tỉnh và đang gặp khó khăn rất lớn vì giá bán chưa bù đắp được chi phí SX. Các sản phẩm làm ra không những phải cạnh tranh với doanh nghiệp nhà nước, mà còn phải cạnh tranh với sản phẩm nhập lậu.

2.3.5. Trình độ quản lý và tay nghề của người lao động

Nhìn chung tay nghề của lao động thấp, thợ chỉ được kèm cặp trong một thời gian ngắn, chưa có điều kiện đào tạo cơ bản, chủ yếu theo phương pháp truyền nghề thay cho dạy nghề. Vì thế không kế thừa được kỹ thuật truyền thống và cũng không đủ trình độ tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến. Năng lực quản lý chưa cao, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và tự học hỏi lẫn nhau. Kiến thức quản lý yếu, nhất là kiến thức kinh doanh. Cho nên, nhiều cơ sở SX đã bị thua lỗ, phá sản rơi vào tình trạng khó khăn.

Chương 3

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHÀM THÚC ĐẨY LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÙNG VEN THỦ ĐÔ HÀ NỘI PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

3.1. Những phương hướng cơ bản phát triển làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội

3.1.1. Phát triển làng nghề truyền thống gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong những năm qua, sự phát triển mạnh mẽ của LNTT đã có tác động tích cực vào việc thay đổi tập quán từ SX nhỏ, phân tán, độc canh, tự cấp, tự túc sang SX hàng hóa đa canh kết hợp SX nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ. Sự phát triển của LNTT không những làm cho cơ cấu lao động trong các làng xã biến đổi mà cơ cấu lao động trong mỗi gia đình cũng có sự biến đổi sâu sắc. Phát triển LNTT thực sự đã tạo ra cơ cấu lao động mới ở nông thôn, chuyển một bộ phận lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ lao động giản đơn sang lao động có kỹ thuật, từ lao động có năng suất thấp thành lao động có năng suất cao, góp phần thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH.

3.1.2. Phát triển làng nghề truyền thống trên cơ sở kết hợp có hiệu quả yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại

Kết hợp có hiệu quả yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại chính là để chúng ta vừa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng mẫu mã của sản phẩm, vừa đảm bảo tính truyền thống, tính độc đáo của nó. Nếu làm mất đi tính truyền thống, tính độc đáo thì không khác gì đưa một công nghệ mới để SX một sản phẩm mới mà thôi. Có thể nói kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại là một đòi hỏi cấp bách để không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã của sản phẩm làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa ngày một giảm đi.

3.1.3. Đa dạng hóa ngành nghề, chú trọng phát triển những ngành nghề truyền thống nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và thu hút được nhiều lao động

Đa dạng hóa ngành nghề và phát triển mạnh mẽ nghề truyền thống là hướng đi tất yếu để bảo đảm sự thắng lợi trong cạnh tranh. LNTT nào sản xuất ra sản phẩm đa dạng phong phú hơn, tốt hơn, giá cả hợp lý hơn, mẫu mã đẹp hơn sẽ có lợi thế hơn và ngược lại. Cho nên mỗi LNTT trong quá trình đa dạng hóa sản phẩm của mình trước hết phải đem lại thu nhập cho người lao động và tạo ra nhiều việc làm nhằm cải thiện đời sống cho các hộ nông dân.

3.1.4. Khôi phục làng nghề truyền thống đi đôi với phát triển làng nghề mới phù hợp với nhu cầu thị trường

Khôi phục và phát triển LNTT, trước hết cần duy trì những sản phẩm mang đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc mà hiện nay trên thị trường đang có xu hướng giảm sút như tranh dân gian, sơn mài, sơn khảm... Đối với những làng nghề đang có điều kiện phát triển, phải tiến hành mở rộng quy mô SX, đa dạng hóa mặt hàng để thâm nhập vào thị trường khu vực và quốc tế. Đồng thời cần có phương hướng cấy nghề và phát triển thêm các nghề mới trên cơ sở của LNTT. Đối với những làng nghề không còn thị trường, sản phẩm của nó không thích hợp hoặc có sản phẩm khác cùng loại thay thế thì các địa phương cần có phương hướng nhanh chóng tìm hướng mới và chuyển đổi SX cho phù hợp với nhu cầu của thị trường.

3.2. Những giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy làng nghề truyền thống vùng ven Thủ đô Hà Nội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

3.2.1. Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề truyền thống

Trước tiên cần điều tra khảo sát để nắm vững số lượng, chất lượng và chủng loại các ngành nghề. Trên cơ sở đó tiến hành sắp xếp lại các ngành nghề truyền thống, LNTT cho từng địa phương trong vùng. Quy hoạch phát triển LNTT theo hướng hình thành các cụm trung tâm công nghiệp và dịch vụ của mỗi thôn, làng, tách khu dân cư ra khỏi khu XS. Đầu tư chiều sâu xây dựng mặt bằng và hệ thống cấp thoát nước trong khu vực của làng nghề để tránh ô nhiễm môi trường sinh thái. Hình thành khu SX tập trung theo cụm công nghiệp và dịch vụ hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho LNTT phát triển. Có kế hoạch phát triển làng nghề mới xung quanh khu công nghiệp tập trung để khai thác tiềm năng, tài nguyên và lao động trong các làng nghề. Các làng nghề bên cạnh khu công nghiệp tập trung sẽ tận dụng được những phế liệu, phế phẩm và làm vệ tinh cho các xí nghiệp công nghiệp lớn. Những xí nghiệp công nghiệp lớn có trách nhiệm hỗ trợ giải quyết nguyên liệu, kỹ thuật và tạo việc làm cho các làng nghề.

3.2.2. Mở rộng và phát triển đồng bộ các loại thị trường cho làng nghề truyền thống

Mở rộng thị trường cho LNTT bao gồm: Thị trường sản phẩm, hàng hóa; thị trường du lịch; thị trường xuất khẩu; thị trường vốn và thị trường công nghệ... Để tạo lập thị trường cho LNTT phát triển, Nhà nước cần:

- Tạo điều kiện và giúp đỡ làng nghề phục hồi lại thị trường Đông Âu và Nga, vì thị trường này đã quen tiêu dùng hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam.

- Cung cấp thông tin về thị trường, giá cả cho làng nghề, tạo mọi điều kiện cho làng nghề nâng cao sức cạnh tranh để hòa nhập vào thị trường khu vực và quốc tế.

- Các cơ quan, các Viện nghiên cứu tập trung giúp đỡ làng nghề tạo dáng sản phẩm và đổi mới mẫu mã cũng như kiểu cách của sản phẩm.

- Tăng cường vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, kết hợp khôn khéo giữa "Bàn tay vô hình" và "Bàn tay hữu hình" trong sự hoạt động của thị trường.

- Khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa. Phát triển mạnh mẽ các trung tâm thương mại, tụ điểm thương mại và các thị trấn, thị tứ, chợ ở nông thôn để nâng cao sức tiêu thụ hàng hóa cho LNTT.

3.2.3. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong làng nghề truyền thống

Trong quá trình phát triển của nền kinh tế, từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường, LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội đang xuất hiện các hình thức tổ chức SX kinh doanh mới. Do vậy, Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho LNTT phát triển một cách đa dạng phong phú, các hình thức SX kinh doanh đó là: Hộ gia đình, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH và các công ty cổ phần.

Mặc dù các hình thức SX kinh doanh hộ gia đình vẫn là chủ yếu, nhưng trong thời gian tới sẽ hình thành xu hướng phát triển ngược lại. Bởi vì hình thức SX kinh doanh hộ gia đình hiện nay còn nhiều bất cập do mỗi hộ gia đình không đủ tầm nhìn chiến lược, trình độ hiểu biết thị trường, marketing còn hạn hẹp. Vì vậy, các hình thức HTX, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần nhất định sẽ phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Tuy nhiên, mỗi hình thức có ưu điểm, nhược điểm riêng của nó, nhưng chắc chắn nó sẽ hơn hẳn SX hộ gia đình ở nhiều khía cạnh.

Do vậy đa dạng hóa các hình thức SX kinh doanh sẽ tạo sự liên kết, sự hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong phát triển SX, tiêu thụ sản phẩm trong các LNTT.

3.2.4. Chuyển giao công nghệ thích hợp và đổi mới công nghệ cho làng nghề truyền thống

Lựa chọn công nghệ và đổi mới công nghệ cho LNTT cần đi theo con đường phát triển từ thấp tới cao, từ thô sơ đến hiện đại: đồng thời thực hiện tốt chủ trương kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại theo phương

châm "Thủ công nghiệp tinh xảo, tiểu công nghiệp hiện đại". Nhưng trong quá trình đổi mới công nghệ phải bảo đảm yêu cầu sản phẩm làm ra không mất đi tính truyền thống; tính độc đáo của nền văn hóa dân tộc. Trước mắt cần chú trọng đến những công nghệ bỏ ít vốn đầu tư, nhưng sử dụng được nhiều lao động, phù hợp với phạm vi hộ gia đình và các doanh nghiệp.

3.2.5. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho làng nghề truyền thống

Đây là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của LNTT trong vùng và kinh tế - xã hội nông thôn. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn nói chung và LNTT là một biện pháp cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Trước mắt cần đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông nông thôn nhằm bảo đảm lưu thông hàng hóa được thông suốt; phát triển mạng lưới cung cấp điện phục vụ cho SX và tiêu dùng; phát triển hệ thống thông tin liên lạc, để những thông tin về thị trường, giá cả được xử lý một cách kịp thời. Cho nên, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cần phải theo quy hoạch, kế hoạch theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đồng thời có những biện pháp thích hợp để huy động vốn phục vụ cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

3.2.6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và nâng cao tay nghề cho người lao động của các làng nghề

Để nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề cho người lao động, vấn đề học vấn là rất quan trọng. Người lao động có trình độ văn hóa và tay nghề cao là nhân tố quyết định việc mở rộng SX ở các LNTT. Nhà nước cần tổ chức hướng nghiệp và mở rộng các trung tâm dạy nghề, xây dựng củng cố các viện nghiên cứu, các trường nghiệp vụ để đào tạo những cán bộ quản lý và chuyên gia kỹ thuật. Các trung tâm dạy nghề phải chú ý cải tiến nâng cao chất lượng, chương trình, nội dung đào tạo nghề; đặc biệt là nên có chương trình hướng nghiệp cho học sinh phổ thông ở những nơi có LNTT. Có chính sách bồi dưỡng, đãi ngộ đối với các nghệ nhân. Khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề và giới

thiếu những bí quyết nghề cho thế hệ sau, nhất là những nghề có trình độ tinh xảo cao.

3.2.7. *Đổi mới chính sách kinh tế của Nhà nước*

Một là, chính sách tạo vốn và khuyến khích đầu tư.

Tạo điều kiện cho LNTT, nhất là những doanh nghiệp nhỏ và các hộ gia đình được vay vốn với lãi suất ưu đãi; mức độ ưu đãi tùy thuộc theo ngành nghề và sản phẩm cần khuyến khích, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu. Tăng cường vốn trung hạn và dài hạn cho các LNTT, giảm thủ tục phiền hà khi vay vốn. Sớm thành lập quỹ tín dụng để chia sẻ rủi ro với ngân hàng, nên giao việc quản lý quỹ này cho các hiệp hội ngành nghề. Thực hiện chế độ ưu đãi đối với các chủ đầu tư từ thành phố và người nước ngoài vào những ngành nghề truyền thống ở nông thôn.

Hai là, chính sách thuế.

Có chính sách miễn giảm thuế từ 2-3 năm đầu cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp trong LNTT mới được thành lập tùy theo loại nghề, loại sản phẩm. Sau thời gian miễn giảm thuế, có thể tiếp tục giảm 50% trong 2-3 năm tiếp theo. Áp dụng chính sách thuế khoán hàng năm với thời hạn 3 năm để khuyến khích các hộ SX và doanh nghiệp mở rộng SX trong thời gian khoán thuế, không nên thường xuyên điều chỉnh (6 tháng) như hiện nay. Nhà nước cần xem xét mức thuế VAT cho các chủ doanh nghiệp, trong khi các chủ doanh nghiệp chưa có được hóa đơn hợp lệ cho mua nguyên liệu vì phải mua gom, mua lẻ... xóa bỏ các khoản phí và những khoản thu ngoài quy định. Đồng thời có biện pháp hữu hiệu trong việc trốn thuế, lậu thuế.

Ba là, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với LNTT.

Cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống thể chế, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý của nhà nước trên tinh thần trợ giúp đến mức cao nhất để LNTT mở rộng quy mô SX kinh doanh. Trước tiên nên giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường. Nâng cao chất lượng soạn thảo

văn bản, đơn giản hóa các thủ tục của công đoàn đăng ký thành lập doanh nghiệp trong LNTT. Tạo môi trường pháp lý và chính sách mang tính ổn định lâu dài, bình đẳng cho LNTT. Phát triển các thể chế cần thiết để hỗ trợ LNTT như: tín dụng, bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, đào tạo nghề, tư vấn kinh doanh, dịch vụ tiếp thị, đơn đặt hàng của cơ quan tổ chức nhà nước đối với LNTT. Động viên các LNTT nên thành lập các hiệp hội nghề để cung cấp những thông tin cần thiết như: giá cả thị trường cũng như trình độ kỹ thuật và quản lý.

Bốn là, bảo vệ môi trường sinh thái và chống ô nhiễm môi trường cho các làng nghề.

Tập trung đầu tư chiều sâu để xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý chất thải cho các làng nghề. Có chính sách khuyến khích các làng nghề SX gốm, sứ, gạch ngói sử dụng lò điện, lò ga thay cho đốt bằng than, củi. Từng bước trang bị kỹ thuật tiên tiến để xử lý chất thải, khói bụi của LNTT; không được thải những chất độc hại khi chưa được xử lý vào môi trường và nguồn nước sinh hoạt của dân cư nông thôn. Thực hiện chế độ khen thưởng thỏa đáng đối với những làng nghề làm tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời có các biện pháp xử lý nghiêm khắc những cơ sở SX và cá nhân vi phạm về luật bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội có vị trí, vai trò hết sức to lớn trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; Trong những năm vừa qua thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, LNTT được phục hồi và phát triển, sản phẩm làm ra ngày càng đa dạng và phong phú, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước và cho xuất khẩu. Sự phát triển mạnh mẽ của LNTT cho phép khai thác triệt để tiềm năng về lao động, về nguyên liệu và trình độ tinh xảo lành nghề của các nghệ nhân. Song hiện trạng LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội đang đứng trước những khó khăn rất lớn như: Khả năng tiếp thị yếu, công nghệ và thiết bị lạc hậu, thiếu vốn...đã làm cho không ít LNTT chưa phục hồi được,

hiều nghề bị mai một, đời sống người lao động trong làng nghề gặp khó khăn. Nhưng với trí thông minh sáng tạo của người lao động và bề dày phát triển của LNTT, lại được sự quan tâm đúng mức của Nhà nước, thời gian tới LNTT sẽ từng bước phục hồi và phát triển.

Từ những kết quả nghiên cứu và khái quát về LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội cho phép chúng ta rút ra kết luận như sau:

1. Sự hình thành và phát triển LNTT là một tất yếu khách quan, nó gắn bó hữu cơ với nông nghiệp và công nghiệp, đồng thời góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội và CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Phát triển LNTT là một nhiệm vụ có tính chiến lược, có vai trò to lớn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn. Mặt khác, sự phát triển của LNTT là bộ phận cơ bản nhất cấu thành lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam. Trong quá khứ cũng như hiện tại, nó chính là nhân tố biểu hiện tập trung nhất bản sắc dân tộc Việt Nam.

2. Tình hình phát triển TTCN và LNTT ở một số nước châu Á cho chúng ta thấy, chính phủ các nước rất quan tâm đến sự phát triển nghề thủ công và làng nghề. Nhà nước đóng vai trò chủ yếu trong việc hỗ trợ về mặt tài chính, về vốn, về chính sách thuế, về thị trường và chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực ở nông thôn... Tạo mọi điều kiện thuận lợi và khuyến khích các nghề thủ công cổ truyền phát triển cùng với quá trình CNH nông thôn. Đây là những bài học và kinh nghiệm bổ ích cho việc phát triển ngành nghề truyền thống, LNTT ở nước ta nói chung và vùng ven Thủ đô Hà Nội nói riêng.

3. LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội trong những năm đổi mới vừa qua đã phát triển đáng kể về số lượng, đóng góp khá quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Các sản phẩm do làng nghề SX ra, bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của đời sống dân cư nông thôn và cho xuất khẩu. Sản phẩm làm ra đã kết hợp được một cách hài hòa kinh nghiệm cổ truyền với công nghệ hiện đại để tạo ra hàng hóa

có chất lượng cao. Trên cơ sở đó đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SX nông nghiệp và đời sống hàng ngày của nông dân.

4. Tuy nhiên sự phát triển của LNTT và sự đóng góp của nó đối với quá trình CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân còn ở mức khiêm tốn. Song sự hình thành và phát triển của chúng còn ít về số lượng, kém về chất lượng và đang gặp rất nhiều khó khăn. Trong đó nổi bật là: thị trường tiêu thụ, vốn và thiết bị công nghệ. Chưa có một hệ thống chính sách cần thiết, đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển làng nghề và LNTT. Sự quan tâm của các cấp chính quyền đối với làng nghề còn nhiều hạn chế, nhất là sự hỗ trợ, giúp đỡ về định hướng phát triển, vốn, thị trường. Môi trường tự nhiên sinh thái và môi trường văn hóa xã hội chưa được quan tâm giải quyết đúng mức. Các làng nghề phát triển SX kinh doanh còn mang nặng tính tự phát, không đều giữa các địa phương và thiếu cơ sở vững chắc.

5. Sự phát triển mạnh mẽ của LNTT là hình thức tốt nhất nhằm huy động nguồn nhân lực sẵn có để phát triển kinh tế địa phương, là cách giải quyết hữu hiệu nhất việc làm cho người lao động và là phương hướng cơ bản đưa nông thôn Việt Nam tiến lên con đường văn minh hạnh phúc. Hơn nữa trong điều kiện thực tế ở nông thôn hiện nay do đất chật người đông, con đường hợp lý và hiệu quả nhất là dựa trên cơ sở các nghề thủ công truyền thống, đi từng bước từ thủ công lên công nghiệp. Đồng thời kết hợp yếu tố kỹ thuật truyền thống với kỹ thuật hiện đại, làm cho sản phẩm ngày càng tinh xảo, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu mới của thị trường.

6. Để phát huy vai trò và ý nghĩa to lớn của LNTT cần phải thực hiện đồng bộ chính sách và giải pháp kinh tế - xã hội nhằm khuyến khích hỗ trợ, giúp đỡ tạo môi trường thuận lợi cho làng nghề phát triển trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến chính sách tạo vốn, chính sách đầu tư, chính sách tài chính tín dụng và chính sách bảo vệ môi trường sinh thái... Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước đối với LNTT; phân rõ ranh giới quản lý Nhà nước về ngành nghề truyền thống và LNTT.

NHỮNG CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN AN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Mai Thế Hồn. *Để nông nghiệp, nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Tạp chí Thương mại, 2/1997, tr. 19-20.
2. Mai Thế Hồn. *Thủ công nghiệp đồng bằng sông Hồng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Tạp chí Thương mại, 6/1998, tr. 11-6.
3. Mai Thế Hồn. *Phát triển LNTT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn*. Tạp chí Nghiên cứu lý luận, Số 7, 7/1998, tr. 10-12.
4. Mai Thế Hồn. *Phát triển LNTT ở Bắc Ninh*. Tạp chí Hoạt động khoa học, 1/1999, tr. 32-33.
5. Mai Thế Hồn. *Các giải pháp chủ yếu phát triển thị trường cho LNTT ở các tỉnh ven Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế nông nghiệp, số 2 (8)/1999, tr. 55-56.
6. Mai Thế Hồn. *Vấn đề môi trường trong các LNTT vùng ven Thủ đô Hà Nội*. Tạp chí Khoa học công nghệ môi trường, 5/1999, tr. 11-13.
7. Mai Thế Hồn. *Một số yêu cầu trước mắt của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đồng bằng sông Hồng*. Tạp chí Giáo dục lý luận, 5/1999, tr. 50-53.
8. Mai Thế Hồn. *Tình hình phát triển làng nghề ở một số nước châu Á và kinh nghiệm liên quan tới Việt Nam*. Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, 6/1999, tr. 40-46.
9. Mai Thế Hồn. *Giải pháp tài chính - tín dụng cho phát triển LNTT ở ven đô Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế và dự báo, 11/1999, tr. 19-20.
10. Mai Thế Hồn. *Phát triển LNTT ở Bắc Ninh trong quá trình CNH, HĐH (công trình tham gia đề tài cấp Nhà nước CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn đồng bằng sông Hồng do GS.TS Nguyễn Đình Phan Trường Đại học Kinh tế quốc dân làm chủ nhiệm)*.